

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/KDTM-PT  
Ngày: 19- 3- 2024.  
V/v: “đòi tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Mai Thị Thanh Tú*

*Các Thẩm phán:*

1/ Bà Trương Thị Thảo.

2/ Bà Ngô Thị Phúc Hảo.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh*

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 198/KDTM-PT ngày 29/12/2023 về việc: “Đòi tài sản”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1877/2023/KDTM-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 563/2024/QĐXX-PT ngày 01/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2347/2024/QĐ-HPT ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.*

*Địa chỉ: Số 381/24 Đường PTi, Phường MM, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Hồng Xuyến, sinh năm 1977. Có mặt*

*Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V;*

*Địa chỉ: Số 164 Đường Lê Thị Riêng, Khu phố 4, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trọng C, sinh năm 1982. Có mặt*

(Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023)

*Do có kháng cáo của:* Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm số 569/2019/KDTM-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh:*

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (sau đây gọi là Công ty A) đã ký kết Hợp đồng số 27/HĐ-HHA ngày 10/8/2011 với Công ty Cổ phần HA (Sau đây gọi là Công ty HA) để thực hiện xây dựng hệ thống nước thải công suất 500 m<sup>3</sup> của dự án chế biến mủ côm cao su Công ty TNHH MTV Cao su H.

Công ty A đã hoàn thành công trình theo thỏa thuận và tiến hành bàn giao cho Công ty HA ngày 12/11/2013; Công ty HA đã chấp nhận nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

Đến ngày 28/8/2014, hai bên có tiến hành đối chiếu công nợ. Theo đó, hai bên thống nhất số liệu: Công ty HA còn thiếu Công ty A số tiền là 463.177.628 đồng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu công nợ, Công ty HA không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Vì vậy, nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty HA phải thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu của Hợp đồng số 27/HĐ-HHA ngày 10/8/2011 là 463.177.628 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/10/2014 cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn Công ty Cổ phần HA đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng Công ty HA không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Công ty HA.

\* Tại Bản án sơ thẩm số 569/2019/KDTM-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

*2. Theo bản án phúc thẩm số 889/2019/KDTM-PT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Công ty A đã không hoàn thành công việc, cung cấp, lắp đặt máy móc sai thiết kế chủng loại theo hợp đồng làm cho chủ đầu tư không chấp nhận nghiệm thu nên đã hơn 5 năm nay không đủ điều kiện đi kiện. Công ty HA không biết việc nguyên đơn khởi kiện và cũng không nhận được bất kỳ một văn bản tố tụng nào của Tòa án cấp sơ thẩm nên không thể đến Tòa án để giải trình và phản đối về thời hiệu. Chỉ tình cờ qua một người quen ở Viện kiểm sát quận Bình Thạnh báo công ty mới biết

và đến toà án cấp sơ thẩm xin bản án để kháng cáo.

Công ty HA đã thay đổi địa chỉ trụ sở và tại địa chỉ trụ sở cũ tại số nhà 19G NC, Phường MC, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh công ty có dán thông báo dời địa chỉ trụ sở gắn hộp thư liên hệ ghi rõ là hộp thư của công ty và nhờ ông Trần Đình N và bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng chủ nhà nếu có ai liên lạc thì báo cho Công ty HA biết. Vợ chồng ông Nguyễn xác định không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tại địa chỉ trên. Công ty HA yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

*Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn xác định không gửi đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ cho bị đơn do bị đơn đã không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì đến ngày 06/6/2019 Công ty HA mới thay đổi địa chỉ trụ sở về số 164 LR, phường A, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn đã không phản đối về thời gian trước giai đoạn xét xử sơ thẩm nên đã không còn quyền phản đối về thời hiệu.

\* Tại Bản án phúc thẩm số 889/2019/KDTM-PT ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên hủy bản án sơ thẩm số 569/2019/KDTM-ST ngày 18/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Sau khi Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý lại vụ án, các đương sự trình bày:*

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Công ty A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu đòi tài sản là số tiền 463.177.628 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ, không tranh chấp về hợp đồng nên không hết thời hiệu khởi kiện như Công ty Cổ phần HA (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V, sau đây gọi là Công ty V) đã nêu ra.

Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014, Công ty V đã xác nhận còn nợ Công ty A số tiền 463.177.628 đồng. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014 có ghi “Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 12/11/2013” nên công trình này đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng và trên cơ sở đó, Công ty V mới xác nhận số tiền còn nợ Công ty A.

Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 12/11/2013 được ký kết giữa Công ty Cổ phần HA, Công ty TNHH MTV Cao su H và bên giám sát là công ty Cổ phần Xây dựng Fadin VN. Công ty A không phải là bên tham gia buổi nghiệm thu, ký kết văn bản này nên không thể có bản chính để cung cấp cho Tòa án. Nguyên đơn đã liên hệ với Công ty TNHH MTV Cao su H và Công ty Cổ phần Xây dựng Fadin VN để xin bản sao có chứng thực Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 12/11/2013 nhưng không được. Công ty A đã gửi bản chính hoá đơn giá trị gia tăng số 0000012 ngày 29/10/2014 cho Công ty V qua bưu điện. Công ty A đã

báo cáo thuế đối với hoá đơn này.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:* Công ty Cổ phần HA đăng ký thay đổi thành Công ty Cổ phần ĐT – XD V ngày 20/8/2020. Công ty V yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty V xác định các bên chưa thực hiện việc nghiệm thu hoàn thành công trình, không có biên bản nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng ngày 12/11/2013. Vì biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014 là do Công ty A làm sẵn và gửi cho Công ty V, chữ ký tại biên bản này là chữ ký từ con dấu khắc chữ kỹ của ông Nguyễn Thanh H, không phải do ông H ký trực tiếp, sau đó đóng dấu nên Công ty V không biết về nội dung “*Căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 12/11/2013*” trong biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014. Công ty V đã bàn giao công trình cho chủ đầu tư nhưng chủ đầu tư chưa trả tiền cho Công ty V đối với phần lắp đặt thiết bị do Công ty A thực hiện. Lý do vì việc lắp đặt thiết bị của Công ty A không đảm bảo chất lượng, hồ sơ quyết toán không đầy đủ.

*\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1877/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tuyên xử:*

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn A về việc buộc Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V trả tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền 463.177.628 đồng từ ngày 01/10/2014 cho đến khi thanh toán xong.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn A: Buộc Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 463.177.628 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

*Ngày 14/9/2023 bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.*

***\* Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

\* Đại diện Nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn A yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

\* Đại diện bị đơn Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Bị đơn sửa án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Nhận thấy tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018, Nguyên đơn đã ghi rõ là Đơn khởi kiện v/v đòi trả nợ và tại cấp sơ thẩm (lần 2) Nguyên đơn cũng xác định lại yêu cầu khởi kiện là yêu cầu đòi tài sản số tiền 463.177.628đ đối với Bị đơn theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 28/8/2014 do hai bên ký xác nhận. vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm (lần 2) đã xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về đòi tài sản là đúng với ý chí của nguyên đơn khi khởi kiện bị đơn và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm (lần 1) và phúc thẩm (lần 1), bị đơn không đặt ra yêu cầu về xem xét thời hiệu khởi kiện cho nên trường hợp này không có cơ sở xem xét việc áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án như yêu cầu của bị đơn.

Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng số 27/HĐ-HHA ngày 10/8/2011 giữa Công ty A và Công ty V về việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 500m<sup>3</sup>/ngày thuộc dự án dây chuyền chế biến mủ côm công suất 4.500 tấn/năm của Công ty TNHH MTV Cao su H có thời gian bảo hành là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

[3.2] Căn cứ Đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014 giữa Công ty A và Công ty HA (nay là Công ty V) đối với công trình Hệ thống xử lý nước thải nhà máy chế biến Cao su H với nội dung: Căn cứ Hợp đồng số 27/HĐ-HHA ngày

10/8/2011; căn cứ biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng ngày 12/11/2013, hai bên cùng nhau tiến hành đối chiếu công nợ, thống nhất số tiền bên A (Công ty V) phải thanh toán cho bên B (Công ty A) là 463.177.628 đồng và hai bên đã thống nhất số liệu trên.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, đại diện bị đơn Công ty V xác định từ khi lập và ký đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014 cho đến nay thì bị đơn Công ty V không thanh toán tiền cho nguyên đơn.

[3.4] Theo Điều 6 và điểm 8.3 Điều 8 của Hợp đồng số 27/HĐ-HHA ngày 10/8/2011, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán đợt 4 là 15% giá trị hợp đồng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình và 5% giá trị hợp đồng sau thời gian bảo hành công trình 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư, nếu bị đơn thông báo mà nguyên đơn không thực hiện việc bảo hành thì bị đơn có quyền sử dụng 5% giá trị hợp đồng để sửa chữa những hư hỏng của công trình.

[3.5] Theo Đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014 nêu trên không có nội dung trừ tiền bảo hành và Công ty V không giao nộp tài liệu chứng cứ nào liên quan đến việc Công ty V sửa chữa những hư hỏng của công trình từ số tiền bảo hành. Ngày 12/11/2013, các bên liên quan ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng nên sau 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư, Công ty V chưa trả số tiền còn thiếu cho Công ty A là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty V phải có trách nhiệm trả số tiền này cho Công ty A. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc Công ty V phải trả số tiền còn thiếu là 463.177.628 đồng cho Công ty A là có căn cứ.

[3.6] Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án- HĐXX nhận thấy:

[3.6.1] Ngày 15/10/2018, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án số 1952/2018/TLST-KDTM về việc Tranh chấp hợp đồng thi công, giao khoán lắp đặt giữa nguyên đơn Công ty A với bị đơn Công ty Cổ phần HA (nay là Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V) tại thời điểm này thì Công ty HA có địa chỉ trụ sở tại số 19G NC, Phường MC, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty V là hợp lệ. Trước khi Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành bản án sơ thẩm 569/2019/KDTM-ST ngày 18/4/2019, Công ty V không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên việc Công ty V yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện sau khi Tòa án có bản án sơ thẩm không phải căn cứ để Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3.6.2] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2023 tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thì Công ty A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu đòi tài sản là số

tiền 463.177.628 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014, không tranh chấp về hợp đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự, tranh chấp về bảo vệ quyền sở hữu, đòi tài sản không áp dụng về thời hiệu khởi kiện. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Công ty V về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện, yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết là không có cơ sở chấp nhận.

[3.7] Tại cấp phúc thẩm, đại diện bị đơn Công ty V cho rằng việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện thì bị đơn không được biết. Xét, tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 31/5/2023 có mặt nguyên đơn, bị đơn (ông Nguyễn Văn C đại diện) thể hiện nguyên đơn Công ty A thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu đòi tài sản là số tiền 463.177.628 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/8/2014, không tranh chấp về hợp đồng, do vậy ý kiến này của bị đơn là không có cơ sở để xem xét.

[3.8] Tại phiên tòa, Công ty V cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, do vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Công ty V.

[3.9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3.10] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3.11] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng V không được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự cùng các Điều Luật đã viện

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng V.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1877/2023/KDTM-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn A về việc buộc Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng V trả tiền lãi do chậm thanh toán đối với số tiền 463.177.628 đồng từ ngày 01/10/2014 cho đến khi thanh toán xong.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Trách nhiệm hữu hạn A:

Buộc Công ty Cổ phần Đầu Tư – Xây Dựng V phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 463.177.628 đồng (Bốn trăm sáu mươi ba triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng).

Thi hành tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng V phải chịu án phí là 22.527.105 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn một trăm lẻ năm đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 16.496.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A theo biên lai thu số AA/2017/0005591 ngày 12/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng V phải chịu án phí số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0028551 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM**

- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thanh Tú**

